

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

DỰ THẢO
QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, CHỨC NĂNG, TRÁCH NHIỆM,
QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VPBANK

CHƯƠNG I
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 03 thành viên và không quá 11 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.
4. Số thành viên Hội đồng quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
7. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
8. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
9. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 Ủy ban là: Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự. Hội đồng quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các ủy ban này.

Điều 2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 112 Luật Doanh nghiệp như sau:
 - 1.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - 1.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác.
 - 1.3 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
 - 1.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Ngân hàng..Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - 1.5 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điểm 1.4 khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - 1.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
 - 1.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Nghị định 59/CP. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng

quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

3. Trong trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo không giới hạn và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị được có thể bằng email, điện thoại, fax... hoặc các phương tiện khác có thể chuyển tải thông tin nhanh nhất đến các thành viên Hội đồng quản trị.
4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.
6. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
7. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
 - 7.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii Thời gian, địa điểm họp;
 - iv Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii Các quyết định đã được thông qua;
 - ix Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - 7.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.
 - 7.3 Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
 - 7.4 Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
 - g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Chế độ làm việc thường trực của Hội đồng Quản trị:

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch có chế độ làm việc thường trực (hoặc cử các uỷ viên làm việc thường trực) để thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng, xử lý công việc hàng ngày theo thẩm quyền quy định.
2. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho Chủ tịch; Phó Chủ tịch giải quyết một số công việc có tính chất thường xuyên, hàng ngày...thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Các quyết định phải được ghi nhận bằng văn bản và phải báo cáo lại cho Hội đồng Quản trị trong phiên họp gần nhất.

Điều 5. Về chế độ thông tin báo cáo:

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo của Hội đồng Quản trị là Thư ký Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm gửi báo cáo cho Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động của VPBank theo yêu cầu công tác quản trị của Hội

- đồng Quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm sao gửi đến các uỷ viên Hội đồng Quản trị những thông tin cần thiết theo yêu cầu công tác quản trị Ngân hàng.
3. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm thường xuyên trao đổi và gửi báo cáo hàng ngày (nếu cần) hoặc hàng tuần về tình hình hoạt động của VPBank cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 4. Các uỷ viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và phụ trách các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cũng như của từng đơn vị trong Ngân hàng.
 5. Tất cả các báo cáo chính thức của VPBank gửi Hội đồng Quản trị phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của Ngân hàng. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 6. Chế độ thông tin, bảo quản tài liệu của VPBank: Các uỷ viên Hội đồng Quản trị, thư ký Hội đồng quản trị phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo vệ thông tin theo quy định của Nhà nước và của VPBank.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ, NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, sở giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Quyết định việc mở Sở Giao dịch, chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ, Giám đốc Sở Giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị được uỷ quyền và ban hành các quy định nội bộ cụ thể về việc uỷ quyền cho Tổng giám đốc (đối với Ngân hàng); cho Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty (Đối với các công ty trực thuộc) quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các cấp cán bộ nhân viên Ngân hàng/Công ty trực thuộc.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
8. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của Ngân hàng trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ cụ thể khác nhỏ hơn do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
13. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại Hội đồng cổ đông.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
21. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Nghị định 59/2009/NĐ-CP.
22. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Nghị định 59/2009/NĐ-CP.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Nghị định 59/2009/NĐ-CP.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định này, trừ trường hợp không

được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 9. Công khai các lợi ích có liên quan: Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng.
3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại khoản 9 Điều 5 Nghị định 59/2009/NĐ-CP vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 11. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị:

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao do Đại hội Cổ đông quyết định. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

CHƯƠNG III
CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ ĐẢM NHIỆM CHỨC DANH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Quy định này;
2. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 17 và Điều 18 Quy định này;
3. Hiểu biết về hoạt động Ngân hàng;
4. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế hoặc luật; hoặc

5. Có ít nhất 03 năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc
6. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Ngân hàng, và: có chứng chỉ xác nhận đã qua chương trình đào tạo về Ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có ít nhất 01 năm làm việc trong ngành Ngân hàng;
7. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b và c khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.
3. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó không thuộc một trong các trường hợp sau: sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với Ngân hàng thương mại cổ phần; là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó.
4. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó; không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với Ngân hàng.
5. Không cùng người có liên quan theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị định 59/CP sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

Điều 14. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị,

1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
3. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp khác;
5. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
6. Bố mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc không được là Kế toán trưởng của Ngân hàng;;
7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
8. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
9. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng theo

quy định tại Điều 25 Nghị định 59/2009/NĐ-CP hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

10. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng

Điều 15. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng đó;
2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị mà mình đang là thành viên hoặc tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng đó; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng.

Điều 16. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ.
2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị vi phạm quy định tại Điều 3 Quy định này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao có thể bị Ngân hàng Nhà nước đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.
4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 59/CP;
 - c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;
 - d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - đ) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g) Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực;
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
 - c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
 - d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - đ) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định 59/CP;
 - e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.
4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 19. Yêu cầu về chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm

Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y (trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm). Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định về thủ tục, hồ sơ đề nghị chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm các chức danh này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày /03/2010. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị giữa 2 kỳ Đại hội, được quyền sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với hoạt động thực tế, Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật liên quan.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch**

Đã ký

PHẠM HÀ TRUNG

